

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
Số: 02/2007/TT-BTTTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông

Căn cứ Luật cạnh tranh ngày 3/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26/4/2002;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/5/2002;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 3/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Bưu chính;

Căn cứ Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 3/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1.1. Thông tư này hướng dẫn một số điểm về nguyên tắc quản lý giá cước; căn cứ quy định giá cước; hình thức quản lý giá cước; thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định giá cước dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát, dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet (sau đây gọi chung là dịch vụ bưu chính, viễn thông).

1.2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông.

2. Giải thích từ ngữ

2.1. Giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông là giá cước người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp bưu chính, viễn thông khi sử dụng các dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp.

2.2. Giá cước giữa các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông là giá cước thanh toán giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông khi doanh nghiệp này sử dụng mạng lưới của doanh nghiệp khác để kết nối hoặc chuyển tiếp dịch vụ.

2.3. Doanh nghiệp chiếm thị phần không chế là doanh nghiệp có doanh thu hoặc lưu lượng từ 30% trở lên đối với loại hình dịch vụ trên địa bàn được phép cung cấp và có thể gây ảnh hưởng trực tiếp tới việc thâm nhập thị trường dịch vụ đó của các doanh nghiệp khác.

2.4. Nhóm doanh nghiệp chiếm thị phần không chế là các doanh nghiệp có cùng hành động gây hạn chế cạnh tranh, ảnh hưởng trực tiếp tới việc thâm nhập thị trường dịch vụ đó của các doanh nghiệp khác, thuộc các trường hợp sau đây:

- Hai doanh nghiệp có tổng thị phần (doanh thu hoặc lưu lượng) từ 50% trở lên đối với loại hình dịch vụ trên địa bàn được phép cung cấp;
- Ba doanh nghiệp có tổng thị phần (doanh thu hoặc lưu lượng) từ 65% trở lên đối với loại hình dịch vụ trên địa bàn được phép cung cấp;
- Bốn doanh nghiệp có tổng thị phần (doanh thu hoặc lưu lượng) từ 75% trở lên đối với loại hình dịch vụ trên địa bàn được phép cung cấp;

II. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, CĂN CỨ QUY ĐỊNH VÀ HÌNH THỨC QUẢN LÝ GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

1. Nguyên tắc quản lý giá cước

1.1. Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông theo quy định của pháp luật.

1.2. Việc quản lý và quy định giá cước phải bảo đảm hài hoà quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ, của doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và lợi ích của Nhà nước.

1.3. Thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, đồng thời bảo đảm các hoạt động bưu chính, viễn thông công ích.

1.4. Bình đẳng, không phân biệt trong quản lý và quy định giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ.

1.5. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước có thể áp dụng hình thức quản lý khác nhau đối với giá cước giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông nhằm khuyến khích doanh nghiệp mới tham gia thị trường.

2. Căn cứ xác định giá cước

2.1. Căn cứ xác định giá cước dịch vụ áp dụng đối với người sử dụng

a) Chính sách phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước và mục tiêu phát triển bưu chính, viễn thông trong từng thời kỳ; tuân thủ các quy định về quản lý giá của Nhà nước và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

b) Trên cơ sở giá thành, quan hệ cung cầu trên thị trường và tương quan phù hợp với mức giá cước dịch vụ cùng loại của các nước trong khu vực và trên thế giới.

c) Giảm dần, tiến tới không bù chéo giá cước giữa các dịch vụ. Từng bước điều chỉnh giá cước các dịch vụ hiện còn thấp hơn giá thành để đảm bảo hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Căn cứ xác định giá cước giữa các doanh nghiệp

a) Giá cước kết nối giữa các doanh nghiệp viễn thông được hình thành trên cơ sở: _

- Chi phí phục vụ cho việc kết nối.

- Không phân biệt giữa các dịch vụ, giữa các doanh nghiệp viễn thông (kể cả các doanh nghiệp thành viên) với doanh nghiệp viễn thông khác.

- Phân tách một cách hợp lý theo các bộ phận cấu thành mạng hoặc theo công đoạn dịch vụ.

- Tương quan phù hợp với mức giá cước kết nối của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Chính sách phát triển thị trường viễn thông theo từng thời kỳ. Chính sách điều tiết của Nhà nước đối với việc đóng góp của doanh nghiệp trong hoạt động viễn thông công ích và khuyến khích doanh nghiệp tham gia thị trường thông qua giá cước kết nối.

- Trong trường hợp giá cước kết nối có bao gồm phần đóng góp cho hoạt động viễn thông công ích thì mức đóng góp này được qui định một cách minh bạch, đảm bảo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

b) Giá cước thanh toán quốc tế được hình thành trên cơ sở thỏa thuận trực tiếp giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông nước ngoài hoặc theo qui định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia trên cơ sở đảm bảo chủ quyền, lợi ích quốc gia, lợi ích của người sử dụng và của doanh nghiệp.

c) Giá cước các dịch vụ cho thuê kênh, thuê cổng, giá cước sử dụng chung cơ sở hạ tầng, giá cước bán lại dịch vụ giữa các doanh nghiệp viễn thông được hình thành trên cơ sở thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường.

3. Hình thức quản lý giá cước _

3.1. Quyết định giá cước: Nhà nước ban hành quyết định giá cước dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước quyết định giá.

3.2. Đăng ký giá cước: Doanh nghiệp quyết định giá cước dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá cước, nhưng trước khi ban hành quyết định phải đăng ký giá cước với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định tại Tiết a, Khoản 1.2, Điểm 1, Mục IV Thông tư này.

3.3. Báo giá cước (báo giá): Doanh nghiệp tự qui định giá cước thuộc danh mục dịch vụ báo giá và thực hiện gửi báo giá tới cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định tại Tiết b, Khoản 1.2, Điểm 1, Mục IV Thông tư này.

3.4. Tự quy định giá cước: Doanh nghiệp tự quy định giá cước đối với các dịch vụ ngoài danh mục quy định tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3 Điểm 3, Mục II Thông tư này.

III. THẨM QUYỀN QUẢN LÝ GIÁ CƯỚC

Thẩm quyền quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông được thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông, cụ thể như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ

Phê duyệt về nguyên tắc phương án giá cước dịch vụ đối với thư thường trong nước có khối lượng đến 20 gram và điện thoại nội hạt.